

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HSST

Ngày 14/01/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẮC KẠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Triệu Đình Đường;

2/ Bà Nông Thị Hiệp;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Hứa Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2021/TLST - HS ngày 07 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HS ngày 30/12/2021 đối với các bị cáo:

1/Chu Văn Tr; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 08 tháng 4 năm 1992 tại tỉnh Hưng Yên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn V, xã V, huyện A, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chu Văn S và Chu Thị Kh; có vợ là Bùi Thị M; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2/ Nguyễn Văn Ch; tên gọi khác: Không; sinh ngày 10 tháng 5 năm 1978 tại tỉnh Hưng Yên; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã C, huyện A, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc H

(đã chết) và bà Nguyễn Thị Th; có vợ là Nguyễn Thị Kim Ng; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông **Đặng Hữu Ch1**; sinh năm 1968; trú tại: Thôn Ch, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 02/2019, Chu Văn Tr đi xuất khẩu lao động tại Liên Bang Nga, trong quá trình lao động tại Liên Bang Nga, Tr quen biết với Nguyễn Văn Ch. Đến tháng 12/2020, do Tr cư trú và lao động bất hợp pháp nên bị trục xuất về Việt Nam. Do muốn tiếp tục nhập cảnh trở lại Liên Bang Nga để lao động nên khoảng tháng 02/2021 Tr đã liên hệ bằng cách gọi điện thoại từ số điện thoại 08456442xx của Tr vào số điện thoại 09666078xx của Ch để nhờ Ch làm thủ tục xuất cảnh và được Ch đồng ý (Lúc này Ch đang tạm trú và lao động tự do tại xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn). Sau khi đồng ý giúp Tr làm thủ tục xuất cảnh, Ch đã lên mạng xã hội Facebook để tìm hiểu và thấy có tài khoản đăng bài quảng cáo nhận làm giấy chứng minh nhân dân (CMND) giả. Ch đã liên hệ với chủ tài khoản Facebook trên qua ứng dụng messenger đặt vấn đề làm giấy CMND giả để làm hộ chiếu và được người này đồng ý với giá thỏa thuận là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Ch được chủ tài khoản này hướng dẫn thu thập các thông tin như sau để phục vụ việc làm giấy CMND giả: Chụp ảnh thông tin sổ hộ khẩu, mẫu giấy CMND do Công an tỉnh Bắc Kạn cấp, chân dung và dấu vân tay của người cần làm giấy CMND giả để gửi cho người này qua ứng dụng messenger trên Facebook (Hiện Ch đã xóa tin nhắn và không còn nhớ tài khoản Facebook của người nhận làm CMND giả).

Sau đó, Ch trao đổi lại qua điện thoại và qua mạng xã hội Facebook với Chu Văn Tr (Tài khoản Facebook của Nguyễn Văn Ch là “Chien Nguyen”, của Chu Văn Tr là “Tr Quang”) và Chu Văn Tr đã tự dùng điện thoại cá nhân chụp ảnh chân dung của mình, đồng thời tự lăn dấu vân tay (ngón trỏ và ngón cái của tay trái và tay phải) bằng cách tô mực bút bi vào đầu ngón tay rồi lăn ra tờ giấy trắng A4, sau đó dùng điện thoại chụp ảnh lại và gửi qua ứng dụng messenger trên Facebook cho Nguyễn Văn Ch để Ch làm giấy CMND giả.

Quá trình tạm trú tại xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, Nguyễn Văn Ch có quen biết ông Đặng Hữu Ch1, sinh năm 1968, trú tại thôn Chợ B, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nên Ch đặt vấn đề mượn sổ hộ khẩu của gia đình ông Ch1 để làm thủ tục xuất cảnh cho Chu Văn Tr và hứa hẹn bồi dưỡng cho ông Ch1 số tiền 2.000.000 (Hai triệu đồng) thì được ông Ch1 đồng ý (Khi hỏi mượn sổ hộ khẩu, Chiến không nói cho ông Ch1 biết mục đích mượn sổ hộ khẩu là để làm CMND giả). Sau khi mượn được sổ hộ khẩu, Ch đã đưa cho ông Ch1 số tiền 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm nghìn đồng). Ngoài ra, Ch còn mượn được CMND của một người mà Ch không quen biết tại quán nước thuộc thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn rồi Ch dùng điện thoại chụp lại mặt sau của CMND đó để làm mẫu (Ch cũng không nói cho người đó biết việc mượn CMND là để làm CMND giả).

Sau khi thu thập được các thông tin như người nhận làm CMND giả yêu cầu, Ch đã dùng điện thoại chụp và gửi ảnh sổ hộ khẩu gia đình ông Ch1 cùng ảnh chân dung, dấu vân tay của Tr, ảnh mẫu giấy CMND do Công an tỉnh Bắc Kạn cấp cho chủ tài khoản Facebook nhận làm CMND giả qua ứng dụng messenger và trao đổi làm CMND giả theo thông tin con trai ông Ch1 là Đặng Hữu D, sinh ngày 17/8/1992, đồng thời Ch cung cấp số điện thoại và địa chỉ của Ch cho người nhận làm CMND giả và thống nhất hai bên sẽ chuyển CMND giả và tiền công cho nhau qua xe ô tô khách. Khoảng 03 ngày sau, Ch nhận được 01 chiếc phong bì dán kín (không ghi địa chỉ người gửi) bên trong có chứa giấy CMND giả số 095206081 qua xe ô tô khách chạy tuyến Hà Nội – Na Rì, Bắc Kạn (Ch không nhớ biển kiểm soát và xe khách này là của nhà xe nào). Khi nhận chiếc phong bì bên trong có chứa CMND giả thì Ch thanh toán cước xe cùng số tiền phí làm CMND giả (1.500.000 đồng) cho nhà xe, vì trước đó nhà xe đã trả số tiền này cho người gửi CMND giả. Giấy CMND giả mà Ch nhận được có dán ảnh của Chu Văn Tr và có thông tin như sau: Họ tên: Đặng Hữu D, sinh ngày 17/8/1992; Quê quán: Đ, V, Hà Nam; Nơi ĐKKH thường trú: C, N, Bắc Kạn; Cấp ngày 17/10/2018, nơi cấp Công an tỉnh Bắc Kạn; Do Giám đốc Công an tỉnh Bắc Kạn - Dương Văn T ký.

Ngày 17/3/2021, Ch mượn xe mô tô của ông Ch1 đi từ xã C, huyện N đến Đội quản lý xuất nhập cảnh, Phòng An ninh đối ngoại Công an tỉnh Bắc Kạn với ý định làm thủ tục cấp hộ chiếu cho Chu Văn Tr. Khi đi Ch rủ ông Ch1 đi cùng, đồng thời Chiến mang theo sổ hộ khẩu của gia đình ông Ch1 và giấy CMND giả nói trên. Khi đến nơi thì ông Ch1 ngồi ở ngoài quán nước chờ, một mình Ch vào bộ phận quản lý xuất nhập cảnh để hỏi làm thủ tục xin cấp hộ chiếu cho Chu Văn Tr nhưng được trả lời là không làm thay được nên Ch quay ra và cùng ông Ch1 đi về xã C, huyện N. Sau đó, Ch liên lạc bằng điện thoại thông báo cho Tr biết là

không làm thay được và bảo Tr trực tiếp lên Bắc Kạn làm thủ tục. Chiều cùng ngày, Tr đi xe ô tô khách đến xã C, huyện N gặp Ch.

Sáng ngày 18/3/2021, Ch tiếp tục mượn xe mô tô và sổ hộ khẩu của ông Chính rồi cùng Tr đi đến Đội quản lý xuất nhập cảnh, Phòng An ninh đối ngoại Công an tỉnh Bắc Kạn để làm thủ tục xin cấp hộ chiếu cho Tr. Khi đến nơi, Tr và Ch cùng vào bộ phận quản lý xuất nhập cảnh, sau đó Tr trực tiếp cầm sổ hộ khẩu của ông Ch1 và giấy CMND giả nộp cho cán bộ Đội quản lý xuất nhập cảnh để làm thủ tục cấp hộ chiếu rồi được tiến hành chụp ảnh chân dung và khai thông tin cá nhân theo giấy CMND giả để nhập vào máy tính. Quá trình làm thủ tục, cán bộ bộ phận quản lý xuất nhập cảnh phát hiện CMND mang tên Đặng Hữu D có nhiều điểm nghi vấn và có dấu hiệu làm giả nên đã giữ lại CMND để xác minh, đồng thời tạm dừng làm thủ tục cấp hộ chiếu và hẹn Tr buổi chiều cùng ngày đến làm việc. Sau đó, Tr nghĩ việc sử dụng CMND giả đã bị phát hiện nên Tr không tiếp tục đến làm việc vào buổi chiều theo lịch hẹn nữa mà bắt xe khách đi về nhà ở tỉnh Hưng Yên, còn Ch thì đi về xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn trả lại xe mô tô và sổ hộ khẩu cho ông Ch1.

Việc Ch mượn sổ hộ khẩu và làm chứng minh nhân dân giả cho Tr thì Ch không được hưởng lợi gì mà do quen biết từ trước nên Ch đồng ý làm giúp Tr. Số tiền bồi dưỡng việc mượn sổ hộ khẩu cho ông Ch1 và tiền phí làm CMND giả mà Ch đã bỏ ra trước thì Tr và Ch thỏa thuận khi nào lo xong việc Tr sẽ gửi lại cho Ch sau.

Tại Kết luận giám định số 11/KTHS-GĐTL ngày 21/5/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: *“Giấy chứng minh nhân dân cần giám định (số 095206081; cấp cho Đặng Hữu D, sinh 17/8/1992; nguyên quán Đ, V, Hà Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: C, N, Bắc Kạn, cấp ngày 17/10/2018) là giả, không phải do cơ quan có thẩm quyền cấp”*.

Tại Kết luận giám định số 12/KTHS-GĐTL ngày 12/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: *“Dấu vết đường vân in tại ô ngón trỏ trái và ô ngón trỏ phải của mặt sau giấy chứng minh nhân dân số 095206081 mang tên Đặng Hữu Dũng và dấu đường vân in ở ô ngón trỏ trái và ô ngón trỏ phải trên chỉ bản mang tên Chu Văn Tr không phải của cùng một người in ra”*.

Tại Kết luận giám định số 34/KTHS-GĐTL ngày 18/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: *“Dấu vân tay trên mặt sau chứng minh nhân dân số 095206081; họ tên: ĐẶNG HỮU D, sinh ngày 17-8-1992, nguyên quán: Đ, V, Hà Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: C, N, Bắc Kạn, cấp ngày 17/10/2018 không được lẫn trực tiếp”*.

Tại Công văn số 1516/PC06 ngày 01/12/2021 của Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH – Công an tỉnh Bắc Kạn về việc trả lời kết quả tra cứu dấu vân tay xác định: Tài liệu của Cơ quan CSĐT – Công an thành phố B cung cấp 01 CMND giả mang tên ĐẶNG HỮU D, sinh năm 1992, chỉ có đường vân của 02 ngón trỏ, nên không đủ điều kiện làm căn cứ xác định đường vân trên CMND giả là của người nào.

Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo Chu Văn Tr, Nguyễn Văn Ch đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố là thống nhất, phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKSTPBK, ngày 05 tháng 12 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố các bị cáo Chu Văn Tr, Nguyễn Văn Ch về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” được quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

....

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Tại phiên tòa:

* Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo theo Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Chu Văn Tr, Nguyễn Văn Ch phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Chu Văn Tr.

Xử phạt bị cáo Chu Văn Tr **từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.**

Giao bị cáo Tr cho UBND xã V, huyện A, tỉnh Hưng Yên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Ch.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ch từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Ch cho UBND xã C, huyện A, tỉnh Hưng Yên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A20, màu xanh đen, số IMEI1 357547101103951/01, IMEI2 357546101103959/01 trong máy có gắn thẻ sim số 09666078xx, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Văn Ch; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu trắng bạc, số IMEI 354383063864997, trong máy có gắn thẻ sim số 08456442xx, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Chu Văn Tr.

+ Trả lại cho bị cáo Chu Văn Tr 01 (Một) căn cước công dân số 0330920033xx mang tên Chu Văn Tr.

+ Tiếp tục lưu cùng hồ sơ vụ án: 01 (Một) giấy CMND giả số 095206081; Họ tên: Đặng Hữu D, sinh 17/8/1992; nguyên quán Đ, V, Hà Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: C, N, Bắc Kạn, cấp ngày 17/10/2018.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Các bị cáo Chu Văn Tr và Nguyễn Văn Ch thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thừa nhận việc truy tố, xét xử các bị cáo về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” là đúng người, đúng tội, không oan. Các bị cáo đã thật sự ăn năn, hối hận về hành vi vi phạm pháp luật của mình, chỉ xin HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án , căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát thành phố B và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo Chu Văn Tr và Nguyễn Văn Ch thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo thống nhất với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở xác định:

Trong thời gian từ tháng 02/2021 đến ngày 18/3/2021, Chu Văn Tr và Nguyễn Văn Ch đã cùng có hành vi làm và sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả nhằm mục đích giúp Tr được cấp hộ chiếu và xuất cảnh trái phép sang Liên Bang Nga, cụ thể như sau:

Để làm được giấy chứng minh nhân dân giả, Chu Văn Tr dùng điện thoại di động chụp ảnh chân dung và dấu vân tay của mình rồi gửi qua ứng dụng messenger trên Facebook cho Nguyễn Văn Ch. Ch mượn sổ hộ khẩu của ông Đặng Hữu Ch1, sinh năm 1968, trú tại thôn Chợ B, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn và giấy CMND của người không rõ họ tên, địa chỉ, sau đó chụp ảnh sổ hộ khẩu, mặt sau giấy CMND rồi gửi toàn bộ ảnh nói trên qua ứng dụng messenger cho đối tượng không rõ họ tên, địa chỉ để thuê làm giấy CMND giả với giá 1.500.000 đồng.

Khoảng 03 ngày sau, Nguyễn Văn Ch nhận được 01 Giấy CMND giả số 095206081, dán ảnh của Chu Văn Tr nhưng có họ và tên là Đặng Hữu D, sinh ngày 17/8/1992, nơi ĐKKK thường trú xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Đến ngày 18/3/2021, Nguyễn Văn Ch đưa Giấy CMND giả trên cho Chu Văn Tr rồi cả hai cùng đến Đội quản lý xuất nhập cảnh, Phòng An ninh đối ngoại Công an tỉnh Bắc Kạn làm thủ tục xin cấp hộ chiếu cho Tr. Quá trình Chu Văn Tr sử dụng giấy CMND giả nói trên để làm thủ tục cấp hộ chiếu thì bị cơ quan Công an phát hiện, thu giữ giấy CMND giả và chuyển hồ sơ, tài liệu cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố B xử lý theo quy định.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự. Do vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Tội phạm các bị cáo thực hiện thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính và hoạt động đúng đắn, bình thường của cơ quan Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương nên cần xử lý theo pháp luật hình sự.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Cả hai bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” và “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo Tr có ông nội là ông Chu Văn T được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án: HĐXX thấy rằng đây là vụ án đồng phạm, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, cả hai bị cáo đều giữ vai trò là người thực hành. Do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò ngang nhau trong việc thực hiện tội phạm.

[6] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, HĐXX thấy các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng phù hợp với các quy định của pháp luật nhưng vẫn đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục các bị cáo đồng thời tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội được ở ngoài xã hội tu dưỡng, rèn luyện, sửa chữa sai phạm của mình.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự.

[8] Về xử lý vật chứng:

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A20, màu xanh đen, số IMEI1 357547101103951/01, IMEI2 357546101103959/01 trong máy có gắn thẻ sim số 09666078xx, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Văn Ch; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu trắng bạc, số IMEI 354383063864997, trong máy có gắn thẻ sim số 08456442xx, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Chu Văn Tr. Xét thấy 02 chiếc điện thoại này là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước.

- 01 (Một) căn cước công dân số 033092003388 mang tên Chu Văn Tr cần trả lại cho bị cáo Tr.

- Tiếp tục lưu cùng hồ sơ vụ án: 01 (Một) giấy CMND giả số 095206081; Họ tên: Đặng Hữu D, sinh 17/8/1992; nguyên quán Đ, V, Hà Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: C, N, Bắc Kạn, cấp ngày 17/10/2018.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với ông Đặng Hữu Ch1 là người cho Nguyễn Văn Ch mượn sổ hộ khẩu và được Ch bồi dưỡng số tiền 1.900.000 đồng. Kết quả điều tra xác định ông Ch1 không biết việc Ch mượn sổ hộ khẩu để làm CMND giả mà chỉ biết là cho mượn để làm thủ tục cấp hộ chiếu. Do đó, hành vi của ông Ch1 không cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Ngày 04/5/2021, Công an xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính Ch1 đối với Đặng Hữu Ch1 về hành vi cho mượn sổ hộ khẩu theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định 167/NĐ-CP, hình thức phạt tiền 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Đối với anh Đặng Hữu D (con trai ông Đặng Hữu Ch1) là người có thông tin trong giấy CMND giả bị Chu Văn Tr và Nguyễn Văn Ch sử dụng. Anh D không biết sự việc ông Đặng Hữu Ch1 cho Nguyễn Văn Ch mượn sổ hộ khẩu sau đó Ch lấy thông tin làm giấy CMND giả. Do vậy, không đặt vấn đề xử lý đối với anh Đặng Hữu D.

Đối với đối tượng trực tiếp làm CMND giả, do Nguyễn Văn Ch chỉ liên hệ và gửi thông tin cho đối tượng này qua ứng dụng messenger trên Facebook để làm CMND giả. Sau khi làm xong giấy CMND giả cho Ch, đối tượng trên đã chặn liên lạc và Ch đã xóa các thông tin trên điện thoại nên không xác định được tên chủ tài khoản Facebook đó là gì. Vì vậy, không có căn cứ để xác định và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với đối tượng nói trên về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt, xử lý vật chứng và án phí đối với các bị cáo là phù hợp, có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Chu Văn Tr và Nguyễn Văn Ch phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

2. Điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Chu Văn Tr.

Xử phạt bị cáo Chu Văn Tr **09 (Chín) tháng tù** nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (*Mười tám*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Tr cho UBND xã V, huyện A, tỉnh Hưng Yên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Ch.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ch **09 (Chín) tháng tù** nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (*Mười tám*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Ch cho UBND xã C, huyện A, tỉnh Hưng Yên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước:

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A20, màu xanh đen, số IMEI1 357547101103951/01, IMEI2 357546101103959/01 trong máy có gắn thẻ sim số 09666078xx, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Văn Ch;

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu trắng bạc, số IMEI 354383063864997, trong máy có gắn thẻ sim số 08456442xx, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Chu Văn Tr.

- Trả lại cho bị cáo Chu Văn Tr 01 (Một) căn cước công dân số 033092003388 mang tên Chu Văn Tr.

- Tiếp tục lưu cùng hồ sơ vụ án: 01 (Một) giấy CMND giả số 095206081; Họ tên: Đặng Hữu D, sinh 17/8/1992; nguyên quán Đ, V, Hà Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: C, N, Bắc Kạn, cấp ngày 17/10/2018.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo Chu Văn Tr và Nguyễn Văn Ch, mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15(Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15(Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND TPBK;
- Công an TPBK;
- Chi cục THADS TPBK;
- Sở tư pháp;
- Các bị cáo;
- Người có QL,NVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

